

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài Chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài Chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, như sau:

**1. Đối tượng nộp thuế**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (bao gồm: Công ty Nhà nước, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, Hợp tác xã, Doanh nghiệp tư nhân, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh) không phân biệt ngành nghề, quy mô, hình thức hoạt động, có khai thác tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật Việt Nam là đối tượng nộp thuế tài nguyên theo quy định tại điều 3 Luật Thuế Tài nguyên.

**2. Mức giá tính thuế tài nguyên:** (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường)

STT	Loại tài nguyên	Mức giá tính thuế
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	50.000 đồng/m <sup>3</sup>
2	Đất làm gạch (sét làm gạch, ngói)	120.000 đồng/m <sup>3</sup>
3	Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	60.000 đồng/m <sup>3</sup>



4	Cát đen dùng trong xây dựng	70.000 đồng/m <sup>3</sup>
5	Nước mặt	2.000 đồng/m <sup>3</sup>
6	Nước dưới mặt đất (nước ngầm)	6.000 đồng/m <sup>3</sup>
7	Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	40.000 đồng/m <sup>3</sup>
8	Nước thiên nhiên dùng mục đích khác (làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng, dùng cho sản xuất chế biến thủy sản, hải sản, nông sản...)	3.000 đồng/m <sup>3</sup>

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường, Cục trưởng Cục Thuế tổ chức triển khai hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quyết định này thống nhất trên toàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/8/2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định mức giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc quy định giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài Chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL ( Bộ Tư pháp);
- TT.TU, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ. VP. UBND tỉnh;
- Phòng KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.6.03.02.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Trung**